

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-9-2020

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phúc An Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hưng.

2. Bà Trần Thị Sáu.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:* Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 147/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn N, xã NH, huyện C, tỉnh T (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh **Ma Văn Đ**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn K, xã KĐ, huyện C, tỉnh T (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Ma Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/01/2012 tại UBND xã KĐ, huyện C. Việc kết hôn giữa chị H và anh Đ không bị ai cưỡng ép, lừa dối. Chị H, anh Đ sinh sống tại thôn K, xã KĐ, huyện C. Quá trình chung sống giữa chị H và anh Đ thường

xuân xảy ra cãi vã, xô xát. Đến năm 2018 mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân do tính cách chị H, anh Đ không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không thông cảm cho nhau dẫn đến bất hòa. Ngoài ra, anh Đ không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con, trong một lần anh Đ đi chơi về có chửi mắng chị H, nói chị H không chung thủy, không làm tròn bổn phận người vợ nên giữa anh chị xảy ra xô xát, trong lúc nóng giận anh Đ có được đánh chị H nên anh chị sống ly thân từ ngày 29/11/2018. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đối với anh Đ không còn, chị H xin ly hôn với anh Ma Văn Đ.

- Về con chung: Chị H, anh Đ có một con chung là Ma Thị Minh A, sinh ngày 06/5/2012. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Đ không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Ma Văn Đ đến để giải quyết việc chị Đặng Thị H đề nghị ly hôn nhưng anh Đ đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với các nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị H. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã KĐ, huyện C, tỉnh T. Theo lời khai của bà Đàm Thị L (mẹ đẻ của anh Ma Văn Đ) thì anh Đ và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh Đ, chị H sinh sống cùng gia đình bà L đến năm 2017 gia đình bà L chuyển đến thôn Làng T, xã KĐ, huyện C sinh sống; chị H, anh Đ vẫn sinh sống tại thôn K, xã KĐ, huyện C. Cuộc sống chung của chị H, anh Đ hòa thuận đến năm 2017 thì mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do chị H, anh Đ không tin tưởng nhau, nghi ngờ nhau ngoại tình nên vợ chồng cãi vã, xô xát. Khi mâu thuẫn xảy ra anh Đ đi làm tại thành phố Hà Nội, chị H đi làm tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, hai vợ chồng không sống cùng nhau nữa. Đến đầu năm 2020 bà L được biết chị H đi làm công nhân nhưng không làm cùng nơi với anh Đ. Bà L không biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh Đ, khi nhận được các văn bản của Tòa án bà L đã thông báo qua điện thoại các nội dung của văn bản cho anh Đ biết thông tin, anh Đ có ý kiến nhất trí ly hôn nhưng do điều kiện công việc anh Đ không về địa phương để giải quyết việc ly hôn với chị H được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Đặng Thị H. Cho chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Ma Văn Đ.

- Giao cháu Ma Thị Minh A, sinh ngày 06/5/2012 cho chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Đặng Thị H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Ma Văn Đ; anh Ma Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã KĐ, huyện C, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Ma Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh Đ đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh Đ đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh Đ đã thông báo cho anh Đ nhưng anh Đ vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Ma Văn Đ vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Đặng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2012 tại UBND xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của bà Đàm Thị L và kết quả xác minh tại thôn K, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa cho thấy: Quá trình chung sống giữa chị H, anh Đ thường xảy ra bất hòa do những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, đến năm 2018 mâu

thuần trở nên trầm trọng do vợ chồng không tin tưởng nhau, nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình; chị H, anh Đ không còn sinh sống cùng nhau. Đến đầu năm 2020 chị H đã làm thủ tục cắt chuyển hộ khẩu ra khỏi xã KĐ, huyện Chiêm Hóa. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị H, anh Đ thực tế đã không tồn tại từ năm 2018 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H là xử cho chị H được ly hôn với anh Ma Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Ma Thị Minh A, sinh ngày 06/5/2012. Xét thấy hiện anh Ma Văn Đ không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu Ma Thị Minh A cho chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Anh Ma Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Đặng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Ma Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Thị Minh A, sinh ngày 06/5/2012 cho chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Đặng Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002699, ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Anh Ma Văn Đ không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H và anh Ma Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã KĐ;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Phúc An Hoành